

**Tổng Công ty Cổ phần
Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng
Quý 4 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 7 tháng 8 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỵ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Lương Thanh Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Teo Hong Keng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn
	– Nguyễn Chí Thanh
Ông Hoàng Đạo Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Tiến Vỵ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật Ông Koh Poh Tiong

Chủ tịch

Ông Neo Gim Siong Bennett

Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên hệ

Tầng 5, Trung tâm Thương mại Vincom, 72 Lê Thánh Tôn và
45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh

Nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi
Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ
Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh
Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 01a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		15,490,812,966,630	11,527,825,623,390
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2,341,350,753,751	2,540,016,444,290
111	1. Tiền		56,350,753,751	85,016,444,290
112	2. Các khoản tương đương tiền		2,285,000,000,000	2,455,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		11,783,000,000,000	7,143,000,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15	11,783,000,000,000	7,143,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		775,262,434,498	1,352,954,918,810
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	278,521,975,504	859,788,447,512
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	7,963,987,250	31,576,528,053
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	793,796,585,341	479,285,849,478
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(328,111,994,256)	(40,787,786,892)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	23,091,880,659	23,091,880,659
140	IV. Hàng tồn kho		513,934,797,433	441,938,225,352
141	1. Hàng tồn kho	9	548,140,994,422	488,654,385,720
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(34,206,196,989)	(46,716,160,368)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		77,264,980,948	49,916,034,938
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	66,757,215,606	49,915,822,214
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10,507,552,618	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	212,724	212,724

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 01a-DN
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5,848,217,722,487	5,932,482,742,257
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		322,008,298,914	321,018,071,414
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		4,000,000,000	4,000,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	350,942,609,719	349,886,951,319
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(32,934,310,805)	(32,868,879,905)
220	II. Tài sản cố định		1,413,215,018,102	1,626,479,824,180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	544,185,439,401	749,264,192,839
222	Nguyên giá		3,412,801,031,561	3,454,267,214,398
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2,868,615,592,160)	(2,705,003,021,559)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	869,029,578,701	877,215,631,341
228	Nguyên giá		992,771,603,824	992,475,603,824
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(123,742,025,123)	(115,259,972,483)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3,569,605,132	3,962,026,116
231	1. Nguyên giá		7,859,289,977	7,859,289,977
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4,289,684,845)	(3,897,263,861)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		183,331,947,357	101,997,344,337
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	183,331,947,357	101,997,344,337
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		3,693,422,463,811	3,662,586,585,828
251	1. Đầu tư vào công ty con	15	2,837,212,995,029	2,731,387,995,029
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	15	613,705,350,635	633,705,350,635
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	785,951,682,407	808,576,870,344
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15	(564,316,444,165)	(531,952,510,085)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15	20,868,879,905	20,868,879,905
260	VI. Tài sản dài hạn khác		232,670,389,171	216,438,890,382
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	81,391,056,573	82,269,846,366
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28	132,105,079,939	101,294,504,779
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	19,174,252,659	32,874,539,237
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21,339,030,689,117	17,460,308,365,647

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 01a-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4,795,124,628,954	4,353,797,152,149
310	I. Nợ ngắn hạn		4,566,917,970,942	4,118,949,860,019
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3,022,301,483,709	2,370,788,454,823
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6,613,217,926	239,402,546
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	216,566,818,802	490,139,152,871
314	4. Phải trả người lao động		162,718,850,131	114,397,611,496
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	179,411,708,217	186,052,510,853
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	879,882,770,247	883,626,808,228
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	99,423,121,910	73,705,919,202
330	II. Nợ dài hạn		228,206,658,012	234,847,292,130
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	51,602,316,000	51,602,316,000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		92,606,211,882	99,246,846,000
343	3. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		83,998,130,130	83,998,130,130
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16,543,906,060,163	13,106,511,213,498
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	16,543,906,060,163	13,106,511,213,498
411	1. Vốn cổ phần		6,412,811,860,000	6,412,811,860,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6,412,811,860,000	6,412,811,860,000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		760,819,802,040	760,819,802,040
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9,370,274,398,123	5,932,879,551,458
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4,958,755,506,355	4,909,158,361,575
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4,411,518,891,768	1,023,721,189,883
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21,339,030,689,117	17,460,308,365,647



Nguyễn Văn Hòa
Người lập



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó tổng giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 1 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 02a-DN
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	10,521,629,867,697	10,517,052,134,673	39,830,365,078,035	36,861,469,032,546
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	22	-	31,672,266,679	1,829,235,021	31,672,266,679
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	22	10,521,629,867,697	10,485,379,867,994	39,828,535,843,014	36,829,796,765,867
11	Giá vốn hàng bán	23	9,268,414,215,697	9,335,129,802,699	35,043,871,013,642	32,627,544,258,893
20	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		1,253,215,652,000	1,150,250,065,295	4,784,664,829,372	4,202,252,506,974
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22	600,460,748,608	242,678,135,700	2,970,222,411,575	1,747,790,837,952
22	Chi phí tài chính	24	89,671,500,229	62,753,047,055	42,138,560,703	123,171,219,786
25	Chi phí bán hàng	25	634,491,378,876	504,996,465,456	1,875,597,765,722	1,426,024,833,322
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	380,354,248,133	192,180,260,047	594,830,088,986	418,418,135,868
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		749,159,273,370	632,998,428,437	5,242,320,825,536	3,982,429,155,950
31	Thu nhập khác	26	854,497,288	1,648,548,407	6,594,368,183	4,033,336,353
32	Chi phí khác	26	4,822,140,729	3,173,351,689	14,221,150,890	7,566,942,469
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	26	(3,967,643,441)	(1,524,803,282)	(7,626,782,707)	(3,533,606,116)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		745,191,629,929	631,473,625,155	5,234,694,042,829	3,978,895,549,834
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	190,649,243,497	178,705,377,730	717,303,217,858	630,858,736,453
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(42,536,383,882)	(68,665,472,607)	(30,810,575,160)	(66,364,907,398)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		597,078,770,314	521,433,720,032	4,548,201,400,131	3,414,401,720,779



Nguyễn Văn Hòa
Người lập



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó tổng giám đốc



Ngo Kim Siong Bennett
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 1 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 03a-DN
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5,234,694,042,829	3,978,895,549,834
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
2	Khấu hao và hao mòn		238,030,970,711	246,045,034,923
3	Các khoản dự phòng		340,030,089,014	233,870,384,777
4	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		1,032,184,727	(34,569,290)
5	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,947,475,922,263)	(1,746,153,461,982)
6	Các khoản điều chỉnh khác			29,737,976,707
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2,866,311,365,018	2,742,360,914,969
9	Tăng, giảm các khoản phải thu		567,630,712,535	470,302,277,271
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(71,297,614,236)	(121,785,266,517)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		463,451,899,542	402,135,192,936
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(15,962,603,599)	(45,243,691,188)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(774,647,952,285)	(706,977,980,688)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(72,333,947,853)	(129,682,908,733)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2,963,151,859,122	2,611,108,538,050
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(85,542,882,745)	(103,130,623,894)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1,958,000,000	
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13,543,000,000,000)	(10,283,000,000,000)
24	Tiền thu cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		8,903,000,000,000	9,514,000,000,000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(85,825,000,000)	(3,319,160,000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			28,339,826,544
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,609,906,587,086	2,074,797,151,374
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(2,199,503,295,659)	1,227,687,194,024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chia cổ tức		(962,141,892,775)	(3,681,063,074,450)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(962,141,892,775)	(3,681,063,074,450)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 03a-DN
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(198,493,329,312)	157,732,657,624
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2,540,016,444,290	2,382,294,145,898
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(172,361,227)	(10,359,232)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2,341,350,753,751	2,540,016,444,290



Nguyễn Văn Hòa
Người lập



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó tổng giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 1, năm 2020

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 5 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ trong thời gian 2 năm, là thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	130,092,303	5,344,081
Tiền gửi ngân hàng	56,220,661,448	85,011,100,209
Các khoản tương đương tiền	2,285,000,000,000	2,455,000,000,000
TỔNG CỘNG	2,341,350,753,751	2,540,016,444,290

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu từ các bên khác	23,799,603,350	41,456,373,713
- Khác	23,799,603,350	41,456,373,713
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	254,722,372,154	818,332,073,799
TỔNG CỘNG	278,521,975,504	859,788,447,512

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
Trả trước cho các bên khác	7,248,462,430	31,224,003,233
- Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bách khoa	-	24,982,776,191
- Khác	7,248,462,430	6,241,227,042
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	715,524,820	352,524,820
TỔNG CỘNG	7,963,987,250	31,576,528,053

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn	793,796,585,341	479,285,849,478
Phải thu khác từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 30)</i>	473,301,340,532	319,296,114,802
Lãi ngân hàng và lãi trái phiếu	303,797,011,694	144,699,293,867
Ký quỹ, ký cược	150,025,529	150,025,685
Tạm ứng cho nhân viên	1,236,000,000	564,415,250
Các khoản khác	15,312,207,586	14,575,999,874
Dài hạn	350,942,609,719	349,886,951,319
Phải thu khác từ bên liên quan <i>(Thuyết minh số 30)</i>	328,073,502,218	328,073,502,218
Ký quỹ, ký cược	14,840,342,501	13,784,684,101
Các khoản khác	8,028,765,000	8,028,765,000
TỔNG CỘNG	1,144,739,195,060	829,172,800,797

7 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	8,409,516,549	8,409,516,549
Khác	14,682,364,110	14,682,364,110
TỔNG CỘNG	23,091,880,659	23,091,880,659

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn	328,111,994,256	40,787,786,892
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	299,287,505,845	17,554,383,670
Dự phòng tài sản thiếu chờ xử lý	23,091,880,659	23,091,880,659
Dự phòng cho các khoản ứng trước cho người bán	5,732,607,752	141,522,563
Dài hạn	32,934,310,805	32,868,879,905
Dự phòng phải thu về cho vay dài hạn	4,000,000,000	4,000,000,000
Dự phòng phải thu dài hạn khác	28,934,310,805	28,868,879,905
TỔNG CỘNG	361,046,305,061	73,656,666,797

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Nguyên liệu, vật liệu	189,126,200,142	(12,887,016,938)	223,457,242,655	(7,830,441,006)
Công cụ, dụng cụ, thiết bị vật tư, phụ tùng	26,329,977,948	(21,319,180,051)	24,572,815,678	(22,147,179,073)
Thành phẩm, hàng hóa	39,967,499,616	-	52,744,638,843	(16,738,540,289)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	86,779,620,474	-	85,866,092,406	-
Hàng đang đi trên đường	205,937,696,242	-	102,013,596,138	-
TỔNG CỘNG	548,140,994,422	(34,206,196,989)	488,654,385,720	(46,716,160,368)
Dài hạn				
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế	41,360,707,025	(22,186,454,366)	46,150,225,281	(13,275,686,044)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn	66,757,215,606	49,915,822,214
Vật tư công cụ, dụng cụ	9,321,970,500	7,333,770,545
Pano, bảng hiệu	56,306,151,145	40,229,620,142
Khác	1,129,093,961	2,352,431,527
Dài hạn	81,391,056,573	82,269,846,366
Tài sản chờ góp vốn đầu tư	51,602,316,000	51,602,316,000
Bao bì, chai kết	17,835,289,634	23,169,336,516
Vật tư công cụ, dụng cụ	1,579,140,507	3,158,281,011
Khác	10,374,310,432	4,339,912,839
TỔNG CỘNG	148,148,272,179	132,185,668,580

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	578,837,789,881	2,721,622,534,658	56,983,995,633	96,822,894,226	3,454,267,214,398
Mua mới trong kỳ	-	9,680,608,805	-	6,647,317,616	16,327,926,421
Chuyển từ chi phí XDCBDD	5,746,756,593	675,350,333	1,327,710,302	-	7,749,817,228
Tăng khác					
Xóa sổ	(1,937,000,000)	-	-	-	(1,937,000,000)
Thanh lý	-	(63,606,926,486)	-	-	(63,606,926,486)
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	582,647,546,474	2,668,371,567,310	58,311,705,935	103,470,211,842	3,412,801,031,561
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	382,343,741,709	2,208,426,802,801	44,299,433,653	69,933,043,396	2,705,003,021,559
Khấu hao trong kỳ	32,939,930,419	183,194,182,682	3,498,885,457	9,523,498,529	229,156,497,087
Tăng khác					-
Xóa sổ	(1,937,000,000)	-	-	-	(1,937,000,000)
Thanh lý	-	(63,606,926,486)	-	-	(63,606,926,486)
Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	413,346,672,128	2,328,014,058,997	47,798,319,110	79,456,541,925	2,868,615,592,160
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	196,494,048,172	513,195,731,857	12,684,561,980	26,889,850,830	749,264,192,839
Tại ngày cuối kỳ	169,300,874,346	340,357,508,313	10,513,386,825	24,013,669,917	544,185,439,401

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	:	1,675,396,619,379
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý	:	55,818,399,556
- Nguyên giá TSCĐHH Tổng công ty cho các công ty liên kết thuê có thu phí	:	86,394,263,152

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	929,359,796,577	63,115,807,247	992,475,603,824
Mua mới trong kỳ	-	296,000,000	296,000,000
Số dư cuối kỳ	929,359,796,577	63,411,807,247	992,771,603,824
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	56,750,071,392	58,509,901,091	115,259,972,483
Khấu hao trong kỳ	4,623,371,664	3,858,680,976	8,482,052,640
Số dư cuối kỳ	61,373,443,056	62,368,582,067	123,742,025,123
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	872,609,725,185	4,605,906,156	877,215,631,341
Tại ngày cuối kỳ	867,986,353,521	1,043,225,180	869,029,578,701
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			: 60,511,535,300
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý			: 304,471,947

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa trên tài khoản tài sản cố định vô hình và tài khoản đối ứng trên các tài khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và Biên bản công tác quyết toán cổ phần hóa của Tổng công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài Chính thực hiện tại thời điểm ngày 30 tháng 4 năm 2008 được lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Các khu đất này được dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh, và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.

STT	Địa chỉ	Diện tích m2	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TPHCM, Việt Nam	3,872.50	55,241,212,500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM, Việt Nam	17,406.10	418,634,111,100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TPHCM, Việt Nam	7,729	247,637,160,000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam	2,216.30	13,867,389,100
			735,379,872,700

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nguyên giá

Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>7,859,289,977</u>
-------------------------	----------------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	3,897,263,861
Khấu hao trong kỳ	<u>392,420,984</u>
Số dư cuối kỳ	<u>4,289,684,845</u>

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu kỳ	<u>3,962,026,116</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u><u>3,569,605,132</u></u>

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG

	31/12/2019	01/01/2019
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại NM Nguyễn Chí Thanh	88,942,805,924	88,817,343,236
HT lọc bia trong bằng công nghệ không sử dụng bột trợ lọc	78,259,723,681	824,581,182
Khác	16,129,417,752	12,355,419,919
TỔNG CỘNG	183,331,947,357	101,997,344,337

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

15.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn	11,783,000,000,000	7,143,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	11,783,000,000,000	7,143,000,000,000
Dài hạn	-	-
Trái phiếu – Tập đoàn kinh tế Vinashin	20,868,879,905	20,868,879,905
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn	(20,868,879,905)	(20,868,879,905)
ĐẦU TƯ THUẦN	11,783,000,000,000	7,143,000,000,000

15.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Đầu tư vào các công ty con (i)	2,837,212,995,029	2,731,387,995,029
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (ii)	613,705,350,635	633,705,350,635
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iii)	785,951,682,407	808,576,870,344
TỔNG CỘNG	4,236,870,028,071	4,173,670,216,008
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(564,316,444,165)	(531,952,510,085)
ĐẦU TƯ THUẦN	3,672,553,583,906	3,641,717,705,923
<i>Trong đó:</i>		
Đầu tư vào các công ty con	2,717,464,747,716	2,599,706,434,711
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	504,848,180,105	597,147,246,594
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	450,240,656,085	444,864,024,618

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

15.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	%	31/12/2019	Dự phòng	%	01/01/2019	Dự phòng
		Giá trị VND			Giá trị VND	
	Sở hữu và biểu quyết			Sở hữu và biểu quyết		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100.00	700,000,000,000	-	100.00	700,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68.78	314,250,000,000	-	68.78	314,250,000,000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66.56	299,548,230,160	-	66.56	299,548,230,160	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	62.06	236,167,400,000	(91,476,150,000)	62.06	236,167,400,000	(118,835,950,000)
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91.75	208,414,271,535	-	91.75	208,414,271,535	-
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100.00	120,000,000,000	-	100.00	120,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51.00	100,424,933,209	-	51.00	100,424,933,209	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52.11	93,800,000,000	-	52.11	93,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94.42	83,141,000,000	-	94.41	83,141,000,000	-
Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54.73	76,324,868,844	(24,176,590,844)	54.73	76,324,868,844	-
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco	100.00	59,365,663,690	-	100.00	59,365,663,690	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90.14	55,799,775,209	-	90.14	55,799,775,209	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn	76.81	55,174,824,506	(4,095,506,469)	76.81	55,174,824,506	(12,845,610,318)
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91.24	54,546,288,176	-	91.24	54,546,288,176	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	94.72	37,422,345,046	-	94.72	37,422,345,046	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90.00	36,798,955,472	-	90.00	36,798,955,472	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90.00	36,541,448,653	-	90.00	36,541,448,653	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90.68	36,362,195,948	-	90.68	36,362,195,948	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90.00	36,265,364,767	-	90.00	36,265,364,767	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95.07	37,369,732,632	-	95.07	37,369,732,632	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90.45	36,000,000,000	-	90.45	36,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51.24	17,650,697,182	-	51.24	17,650,697,182	-
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn	100.00	10,000,000	-	100.00	10,000,000	-
Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	100.00	10,000,000	-	100.00	10,000,000	-
Công Ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (*)	52.91	105,825,000,000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		2,837,212,995,029	(119,748,247,313)		2,731,387,995,029	(131,681,560,318)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

15.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	%	31/12/2019	Dự phòng	%	01/01/2019	Dự phòng
		Giá trị VND			Giá trị VND	
	Sở hữu và biểu quyết			Sở hữu và biểu quyết		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30.04	113,224,326,586	-	30.04	113,224,326,586	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	32.22	103,174,711,495	-	32.22	103,174,711,495	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya- Việt Nam	30.00	86,338,395,824	-	30.00	86,338,395,824	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29.00	72,500,000,000	(72,500,000,000)	29.00	72,500,000,000	(1,207,209,980)
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25.00	43,111,007,200	-	25.00	43,111,007,200	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	27.03	33,787,500,000	-	27.03	33,787,500,000	-
Công ty TNHH Sản xuất rượu và cồn Việt Nam	45.00	31,632,170,530	(31,632,170,530)	45.00	31,632,170,530	(31,632,170,530)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	20.00	30,000,000,000	-	20.00	30,000,000,000	-
Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ	35.00	26,212,239,000	-	35.00	26,212,239,000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa	26.00	26,000,000,000	-	26.00	26,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	20.00	23,000,000,000	-	20.00	23,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh lương thực-thực phẩm Trường Sa	28.35	4,725,000,000	(4,725,000,000)	28.35	4,725,000,000	(1,139,381,235)
Công Ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20.00	20,000,000,000	-	20.00	20,000,000,000	(2,579,342,296)
Công Ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (*)	-	-	-	20.00	20,000,000,000	-
TỔNG CỘNG		613,705,350,635	(108,857,170,530)		633,705,350,635	(36,558,104,041)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

15.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	%	31/12/2019	Dự phòng	%	01/01/2019	Dự phòng
		Giá trị VND			Giá trị VND	
	Sở hữu và biểu quyết			Sở hữu và biểu quyết		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	2.03	216,579,320,000	-	2.03	216,579,320,000	(35,135,453,867)
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á	0.95	136,265,460,000	(136,265,460,000)	0.95	136,265,460,000	(136,265,460,000)
Công Ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	16.42	126,429,237,491	-	16.42	126,429,237,491	-
Công ty Cổ phần PVI	0.21	51,475,140,000	(36,521,308,800)	0.21	51,475,140,000	(35,744,486,400)
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	10	35,757,720,722	(35,757,720,722)	10	51,107,720,722	(35,757,720,722)
Quỹ đầu tư Việt Nam	-	-	-	7.97	7,275,187,937	(7,275,187,937)
Công ty Cổ phần tập đoàn Bao bì Sài Gòn	8.2	46,000,000,000	-	8.2	46,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	7.2	45,000,000,000	(45,000,000,000)	7.2	45,000,000,000	(39,600,000,000)
Công ty Du lịch Dầu khí Phương Đông	9.8	30,700,950,000	(30,700,950,000)	9.8	30,700,950,000	(22,468,950,000)
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	13.54	26,588,267,394	-	13.54	26,588,267,394	-
Công ty TNHH Đầu tư SABECO HP	8.00	24,426,586,800	(24,426,586,800)	8.00	24,426,586,800	(24,426,586,800)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngầm	4.91	23,085,000,000	(23,085,000,000)	4.91	23,085,000,000	(23,085,000,000)
Công ty Cổ phần Bia- Nước giải khát Sài Gòn-Tây Đô	14.41	19,690,000,000	-	14.41	19,690,000,000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Đồng Nai	10.38	3,954,000,000	(3,954,000,000)	10.38	3,954,000,000	(3,954,000,000)
TỔNG CỘNG		785,951,682,407	(335,711,026,322)		808,576,870,344	(363,712,845,726)

(*) Trong tháng 10/2019, Sabeco đã tăng 32,91% cổ phần tại Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Lâm Đồng ("BIASAIGONLAM Dong") tương ứng với khoản đầu tư là 82.825 triệu VND để tăng tỷ lệ sở hữu của tập đoàn tại BIASAIGONLAM Dong từ 20% lên 52,9%. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của BIASAIGONLAM Dong là sản xuất kinh doanh bia

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN

VND

16 THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Phải nộp</i>	<i>Đã nộp</i>	<i>Số đã cần trừ trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	172,138,569,138	717,303,217,858	(774,647,952,285)		114,793,834,711
Thuế tiêu thụ đặc biệt	250,700,528,304	3,044,582,658,265	(3,211,015,239,705)		84,267,946,864
Thuế giá trị gia tăng	42,795,381,517	5,219,764,677,571	(866,733,616,204)	(4,395,826,442,884)	-
Thuế đất	1,581,049,815	26,989,467,846	(26,989,467,846)		1,581,049,815
Thuế thu nhập cá nhân	20,760,796,577	49,580,624,442	(55,639,760,727)		14,701,660,292
Thuế tài nguyên	103,637,520	1,089,911,920	(1,142,752,320)		50,797,120
Thuế nhập khẩu	-	17,199,593,411	(17,199,593,411)		-
Thuế khác	2,059,190,000	17,129,870,537	(18,017,530,537)		1,171,530,000
TỔNG CỘNG	490,139,152,871	9,093,640,021,850	(4,971,385,913,035)	(4,395,826,442,884)	216,566,818,802

Trong năm 2018, Tổng Công ty nhận được Thông báo từ cơ quan thuế yêu cầu nộp tiền phạt thuế và lãi chậm nộp trên số thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh trong giai đoạn từ 2007 đến 2015 mà Tổng Công ty đã nộp trước đó. Tuy nhiên, quan điểm của Tổng Công ty luôn rõ ràng và nhất quán kể từ năm 2015 khi Kiểm toán Nhà nước ban hành kết luận kiểm toán: (i) Tổng Công ty không có bất kỳ hành vi sai phạm nào trong việc kê khai, tính và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, và (ii) Tổng Công ty đã luôn thực hiện đúng hướng dẫn bằng văn bản của Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế và Cục thuế TP. Hồ Chí Minh trong những năm qua về vấn đề này. Cho đến thời điểm báo cáo này, Tổng Công ty đang chờ phản hồi chính thức từ các cơ quan này.

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả cho bên khác	1,437,874,877,619	1,025,720,070,490
- Công ty Cổ phần tập đoàn Bao bì Sài Gòn	101,528,760,306	180,108,990,634
- Công ty TNHH Asia Packaging Industries (VN)	187,371,502,653	174,470,186,654
- Công ty TNHH Thương Mại & Vận tải Thái Tân	12,544,421,688	75,797,354,833
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	2,742,300,000	162,558,976,562
- Công ty Cổ phần Hanacans	254,780,485,076	77,109,556,718
- Khác	980,436,168,202	535,783,995,723
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1,482,897,845,784	1,164,959,393,699
TỔNG CỘNG	3,022,301,483,709	2,370,788,454,823

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí hỗ trợ, bán hàng	28,397,574,561	31,534,000,000
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	135,465,216,278	126,456,164,574
Chi phí khác	15,548,917,378	28,062,346,279
TỔNG CỘNG	179,411,708,217	186,052,510,853

19 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn	879,882,770,247	883,626,808,228
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 21.4)	6,699,470,600	6,919,584,375
Quỹ công tác xã hội	67,766,942,373	31,076,081,734
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	735,379,872,700	735,379,872,700
Tạm ứng nhận từ việc thanh lý giải thể Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	-	15,350,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	70,036,484,574	94,901,269,419

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

19 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2019	01/01/2019
Dài hạn	51,602,316,000	51,602,316,000
Tiền thuê đất	51,602,316,000	51,602,316,000
TỔNG CỘNG	931,485,086,247	935,229,124,228
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	46,943,165,941	52,800,817,215
<i>Bên khác</i>	884,541,920,306	882,428,307,013

20 QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	31/12/2019	01/01/2019
Số đầu năm	73,705,919,202	97,012,813,080
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	96,217,582,274	114,397,723,138
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,856,905,653	25,689,699,033
Điều chuyển về công ty con	(14,663,971,484)	(34,624,958,816)
Sử dụng quỹ	(65,693,313,735)	(128,769,357,233)
Số cuối kỳ	99,423,121,910	73,705,919,202

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước				
Số đầu năm	6,412,811,860,000	760,819,802,040	4,935,934,888,700	12,109,566,550,740
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3,414,401,720,779	3,414,401,720,779
Chia cổ tức	-	-	(2,244,484,151,000)	(2,244,484,151,000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(25,689,699,033)	(25,689,699,033)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(1,086,828,092)	(1,086,828,092)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(114,397,723,138)	(114,397,723,138)
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	(31,798,656,758)	(31,798,656,758)
Số cuối năm	6,412,811,860,000	760,819,802,040	5,932,879,551,458	13,106,511,213,498
Năm nay				
Số đầu năm	6,412,811,860,000	760,819,802,040	5,932,879,551,458	13,106,511,213,498
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	4,548,201,400,131	4,548,201,400,131
Chia cổ tức	-	-	(961,921,779,000)	(961,921,779,000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9,856,905,653)	(9,856,905,653)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(2,345,360,450)	(2,345,360,450)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(96,217,582,274)	(96,217,582,274)
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	(40,464,926,089)	(40,464,926,089)
Số cuối kỳ	6,412,811,860,000	760,819,802,040	9,370,274,398,123	16,543,906,060,163

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Vốn cổ phần

	31/12/2019			01/01/2019		
	Tổng mệnh giá	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Tổng mệnh giá	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
		phổ thông	sở hữu		phổ thông	sở hữu
Công ty TNHH Vietnam Beverage	3,436,425,870,000	343,642,587	53.59%	3,436,425,870,000	343,642,587	53.59%
Bộ Công thương	2,308,765,470,000	230,876,547	36.00%	2,308,765,470,000	230,876,547	36.00%
Các cổ đông khác	667,620,520,000	66,762,052	10.41%	667,620,520,000	66,762,052	10.41%
TỔNG CỘNG	6,412,811,860,000	641,281,186		6,412,811,860,000	641,281,186	

21.3 Cổ phiếu

	31/12/2019 (cổ phiếu)	01/01/2019 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	641,281,186	641,281,186
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	641,281,186	641,281,186
Cổ phiếu phổ thông	641,281,186	641,281,186
Cổ phiếu đang lưu hành	641,281,186	641,281,186
Cổ phiếu phổ thông	641,281,186	641,281,186

21.4 Cổ tức

	31/12/2019	01/01/2019
Số đầu năm	6,919,584,375	1,443,498,507,825
Cổ tức phải trả trong năm	961,921,779,000	2,244,484,151,000
Cổ tức đã chi trả	(962,141,892,775)	(3,681,063,074,450)
Số cuối kỳ	6,699,470,600	6,919,584,375

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

22 DOANH THU**22.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày
31/12/2019 31/12/2018

Doanh thu	39,830,365,078,035	36,861,469,032,546
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	27,588,768,566,976	25,293,221,114,274
Doanh thu bán nguyên vật liệu	7,927,956,467,680	7,409,907,017,067
Doanh thu bán thành phẩm	4,267,772,156,873	4,101,724,891,344
Doanh thu khác	45,867,886,506	56,616,009,861
Các khoản giảm trừ	1,829,235,021	31,672,266,679
Hàng bán trả lại	1,829,235,021	31,672,266,679
DOANH THU THUẦN	39,828,535,843,014	36,829,796,765,867

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày
31/12/2019 31/12/2018

Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,156,469,572,497	1,179,076,348,128
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	789,226,349,766	567,077,113,854
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	24,526,489,312	1,637,375,970
TỔNG CỘNG	2,970,222,411,575	1,747,790,837,952

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày
31/12/2019 31/12/2018

Giá vốn hàng hóa đã bán	24,415,717,542,110	22,453,111,820,612
Giá vốn nguyên vật liệu	7,922,752,672,605	7,401,528,390,608
Giá vốn thành phẩm đã bán	2,684,765,403,581	2,720,313,073,994
Giá vốn khác	7,634,066,613	16,369,244,880
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá HTK	13,001,328,733	36,221,728,799
TỔNG CỘNG	35,043,871,013,642	32,627,544,258,893

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày

31/12/2019

31/12/2018

Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2,499,438,686	706,014,266
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	39,639,122,017	122,465,205,520
TỔNG CỘNG	42,138,560,703	123,171,219,786

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày

31/12/2019

31/12/2018

Chi phí bán hàng	1,875,597,765,722	1,426,024,833,322
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	860,560,900,646	651,481,954,481
Chi phí hỗ trợ bán hàng	977,641,770,634	742,211,329,206
Chi phí nhân công	26,659,144,423	25,499,576,992
Chi phí khác	10,735,950,019	6,831,972,643
Chi phí quản lý doanh nghiệp	594,830,088,986	418,418,135,868
Chi phí nhân công	154,294,628,728	166,281,889,284
Chi phí khấu hao và phân bổ	14,694,676,367	15,037,413,052
Chi phí thuê ngoài	29,572,252,209	34,385,975,402
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2,128,935,310	75,183,450,458
Dự phòng các khoản phải thu	287,425,053,514	-
Chi phí khác	106,714,542,858	127,529,407,672
TỔNG CỘNG	2,470,427,854,708	1,844,442,969,190

26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày

31/12/2019

31/12/2018

Thu nhập khác	6,594,368,183	4,033,336,353
Các khoản khác	6,594,368,183	4,033,336,353
Chi phí khác	14,221,150,890	7,566,942,469
Các khoản khác	14,221,150,890	7,566,942,469
LỢI NHUẬN KHÁC	(7,626,782,707)	(3,533,606,116)

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

28.1 Chi phí thuế TNDN

Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày
31/12/2019 31/12/2018

Chi phí thuế TNDN hiện hành	717,303,217,858	630,858,736,453
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(30,810,575,160)	(66,364,907,398)
TỔNG CỘNG	686,492,642,698	564,493,829,055

28.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả

31/12/2019 01/01/2019

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	63,175,917,370	52,984,561,077
Dự phòng hàng tồn kho	11,278,530,270	11,998,369,282
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	18,521,242,377	19,849,369,200
Khác	34,793,297,311	14,157,893,553
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4,336,092,611	2,304,311,667
TỔNG CỘNG	132,105,079,939	101,294,504,779

29 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2019 01/01/2019

Ngoại tệ		
USD	410,276.24	63,717.49
EUR	4,723.00	9,584.91

30 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	1,996,436,033	2,294,466,081
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi	6,819,807,138	11,747,280,002
Công ty Cổ Phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	2,081,860,783	1,937,036,053
Công ty CP Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	-	2,840,306,460
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	15,758,874,428	11,369,131,887
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	5,453,717,282	7,597,002,247
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	110,147,479,750	595,118,607,501
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	5,436,154,202	5,356,282,534
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	13,838,537,106	9,912,502,699
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	-	40,809,032
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ	8,273,322,123	7,817,994,934
Công ty Cổ phần Bia- Nước giải khát Sài Gòn-Tây Đô	6,307,906,113	12,730,293,185
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	25,177,567,972	26,202,728,309
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Miền Trung	9,474,647,771	13,012,071,973
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu	-	1,295,023,699
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Vĩnh Long	7,636,502,161	7,688,071,008
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Kiên Giang	10,112,131,104	63,613,089,846
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Khánh Hòa	5,464,742,048	15,077,209,933
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	7,622,147,366	22,682,166,416
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	13,120,538,774	-
	254,722,372,154	818,332,073,799

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN

VND

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Trả trước cho người bán</i>		
Công Ty CP Rượu Bình Tây	4,272,916	4,272,916
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	348,251,904	348,251,904
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	363,000,000	-
	715,524,820	352,524,820
	31/12/2019	01/01/2019
<i>Phải thu khác</i>		
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	15,135,816,682
Công Ty CP Rượu Bình Tây	-	3,422,834,000
Công ty CP Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	2,298,800,000	-
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	139,368,231,654	351,086,615
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	29,700,000	29,700,000
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	9,225,945	9,242,328
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	4,744,400	-
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	7,974,218,490	3,760,528,679
Công Ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8,141,000,000	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Miền Trung	33,660,770,500	19,234,726,000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277,230,733,543	277,230,733,543
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Vĩnh Long	4,500,000,000	37,530,955
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Khánh Hòa	83,916,000	83,916,000
	473,301,340,532	319,296,114,802
<i>Dài hạn</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	328,073,502,218	328,073,502,218
	328,073,502,218	328,073,502,218

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	8,659,671,680	12,743,161,114
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương	23,887,582	10,748,221,283
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi	27,728,275,300	26,252,241,400
Công ty Cổ Phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	5,958,296,542	9,405,748,680
Công ty CP Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	845,928,600	3,377,627,770
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	37,502,899,391	58,559,536,728
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	38,383,956,600	27,041,488,482
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	13,493,271,489	18,372,124,012
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	63,098,950,611	29,637,985,845
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	52,125,690,926	13,522,311,831
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	129,950,035,850	28,563,399,700
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	38,472,061,058	18,735,326,224
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	43,898,391,736	25,633,011,879
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	43,179,760,397	13,675,794,719
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông	98,889,546,649	37,813,972,006
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	105,687,151,380	39,776,536,181
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	88,288,744,524	60,211,555,443
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	11,067,146,696	1,309,900,134
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	6,883,324,360	22,450,953,360
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Đồng Bắc	51,600,146,861	21,767,189,034
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	23,160,534,650	39,585,975,000
Công ty Cổ Phần Bao Bì Bia Sài Gòn	23,581,439,310	18,835,210,240
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Trường Sa	-	436,148,400
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ	24,851,400,970	34,832,174,850
Công ty Cổ phần Bia- Nước giải khát Sài Gòn-Tây Đô	8,441,778,004	28,504,068,582
Công Ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	226,245,964,160	217,001,205,735
Công Ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	15,413,376,691	13,248,400,000
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	63,993,357,149	80,479,565,925
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Miền Trung	52,036,671,280	68,407,824,584
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu	4,688,242,020	6,121,281,540
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Vĩnh Long	21,125,716,480	42,224,298,050
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Kiên Giang	27,107,766,113	55,072,169,614
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Khánh Hòa	5,565,963,898	43,265,809,950
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	18,409,920,276	36,922,865,100
Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	49,937,561,300	-
Công Ty TNHH Lon Nước giải khát TBC-Ball Việt Nam	52,601,015,251	424,310,304
	1,482,897,845,784	1,164,959,393,699

TỔNG CÔNG TY CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B 09a-DN
VND

	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả khác		
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	25,555,668,022	35,739,984,670
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1,522,160,540	1,522,160,540
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437,717,745	437,717,745
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82,229,450	82,229,450
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52,063,478	52,063,478
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739,328,874	739,328,874
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106,561,973	106,561,973
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	8,995,213,962	7,397,933,618
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	12,932,851	12,932,851
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	8,988,336,717	6,422,123,067
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287,780,949	287,780,949
Công ty Cổ Phần Bao Bì Bia Sài Gòn	163,171,380	-

46,943,165,941

52,800,817,215



Nguyễn Văn Hòa
Người lập



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó tổng giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 1 năm 2020